



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 5 NĂM 2024



Hà Nội, tháng 6 năm 2024

## **Kinh tế vĩ mô tháng 5 năm 2024: Những điểm nổi bật**

### **Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế**

- Các hoạt động kinh tế của Mỹ có diễn biến tốt hơn tháng trước; Kinh tế khu vực EU chưa có thêm tín hiệu mới; Kinh tế Nhật Bản chứng kiến sự mở rộng trong cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ; Kinh tế Trung Quốc tiếp tục có thêm các diễn biến khởi sắc;
- Đồng USD giảm 1,46% so với tháng trước; Các đồng tiền chủ chốt phần lớn đã tăng giá so với đồng USD, ngoại trừ đồng CNY; Giá vàng giao ngay trên thị trường quốc tế tăng 1,86% so với tháng trước;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu tăng điểm, chỉ số chứng khoán toàn cầu - MSCI ACWI ở mức 785,327 điểm, tăng 3,8% so với tháng trước.

### **Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước**

- Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực, chỉ số IIP tháng Năm ước tăng 3,9% so với tháng trước, tăng 8,9% so với cùng kỳ; Các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất được cải thiện nhẹ;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục tăng so với cùng kỳ, tăng 9,5% nhờ sự đóng góp tích cực của ngành du lịch;
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN ước đạt 48,2 nghìn tỷ đồng, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước; Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ước đạt 11,07 tỷ USD, tăng 2%;
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 66,62 tỷ USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước; Cán cân thương mại ước tính xuất siêu 8,01 tỷ USD;
- Chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,05% so với tháng trước, tăng 4,44% so với cùng kỳ năm trước; CPI bình quân tăng 4,03% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 2,78%;
- Lãi suất huy động tiếp tục tăng, lãi suất liên ngân hàng đã giảm tại các kỳ hạn ngắn;
- Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng nhưng đã hạ nhiệt so với tháng trước; Vàng có thêm các ngưỡng giá cao mới;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam có diễn biến khá tích cực, chỉ số VN-Index đạt 1.261,72 điểm, tăng 4,32% so với tháng trước; chỉ số HNX-Index đạt 243,09 điểm, tăng 7,1%;
- Kho bạc Nhà nước huy động thành công 24.056 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu, đạt tỷ lệ gần 50%, bên cạnh đó, trong tháng Năm có 19 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, trị giá 16.695 tỷ đồng.

## **MỤC LỤC**

<b>I. KINH TẾ THẾ GIỚI .....</b>	<b>3</b>
1. Các diễn biến kinh tế quan trọng .....	3
2. Diễn biến thị trường tài chính .....	7
<b>II. KINH TẾ TRONG NƯỚC.....</b>	<b>10</b>
1. Tăng trưởng kinh tế.....	10
2. Lạm phát.....	17
3. Thu chi ngân sách Nhà nước.....	18
4. Tình hình doanh nghiệp .....	19
5. Diễn biến thị trường tài chính .....	22

# I. KINH TẾ THẾ GIỚI

## 1. Các diễn biến kinh tế quan trọng

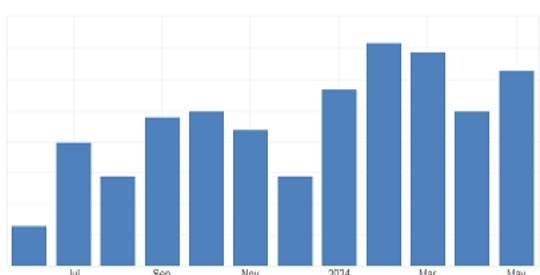
*Các hoạt động kinh tế của Mỹ có diễn biến tốt hơn tháng trước*

Trong tháng 5/2024, các hoạt động trong khu vực sản xuất và dịch vụ tại Mỹ đã có xu hướng tăng so với tháng trước. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã cải thiện thêm 1,3 điểm so với tháng 4/2024, đạt 51,3 điểm. Đơn đặt hàng mới trong lĩnh vực sản xuất tiếp tục tăng trưởng đã thúc đẩy các hoạt động sản xuất, đáng chú ý là sự phục hồi của đơn hàng xuất khẩu từ khu vực Châu Âu, Châu Á. Bên cạnh đó, các công ty cũng gia tăng các hoạt động mua hàng, bổ sung lượng hàng tồn kho thành phẩm, gia tăng các hoạt động tuyển dụng. Đồng thời, các hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đã tăng mạnh so với tháng trước chủ yếu do sự tăng tốc trở lại của các đơn hàng mới. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực này tiếp tục mở rộng các hoạt động quảng cáo khi các điều kiện kinh tế được cải thiện để thúc đẩy nhu cầu trong và ngoài nước. Chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ đã tăng lên 54,8 điểm từ mức 51,3 điểm của tháng trước.

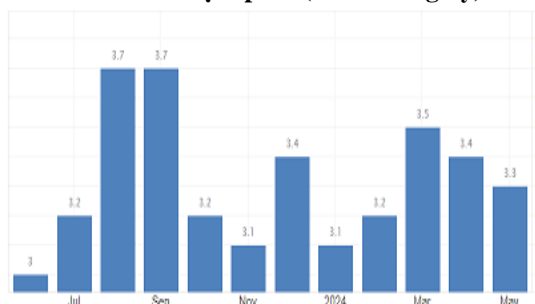
Mặc dù các các hoạt động kinh tế đã tăng tốc trở lại trong tháng Năm nhưng chỉ số niềm tin tiêu dùng tiếp tục giảm, từ mức 77,2 của tháng Tư xuống 69,1. Tình trạng lạm phát còn cao, sự hạ nhiệt của thị trường lao động và các điều kiện tài chính còn thắt chặt,... đã tác động mạnh tới diễn biến này. Bên cạnh đó, doanh số bán lẻ theo số liệu công bố mới nhất cũng không ghi nhận tốc độ tăng trưởng.

Tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ tiếp tục tăng tháng thứ hai liên tiếp, hiện đạt 4%, lực lượng lao động tham gia thị trường đã giảm nhẹ từ 62,7% xuống 62,5%, số lao động thất nghiệp đã tăng 157.000 lao động trong tháng Năm. Bên cạnh đó, lạm phát của Mỹ tiếp tục có tín hiệu tích cực, lạm phát đã giảm 0,1 điểm phần trăm so với tháng trước, đạt 3,3% - mức thấp nhất trong ba tháng.

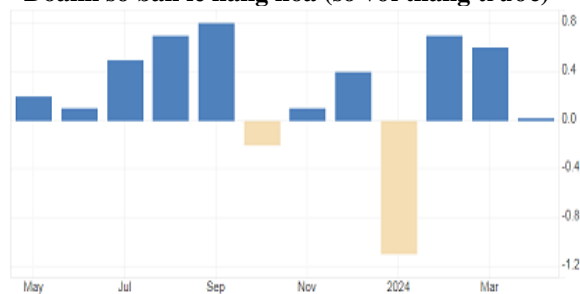
**Chỉ số PMI sản xuất**



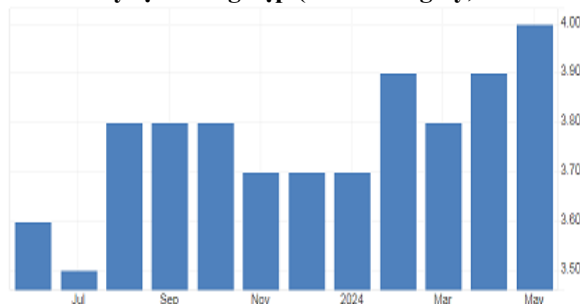
**Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)**



**Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)**



**Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)**

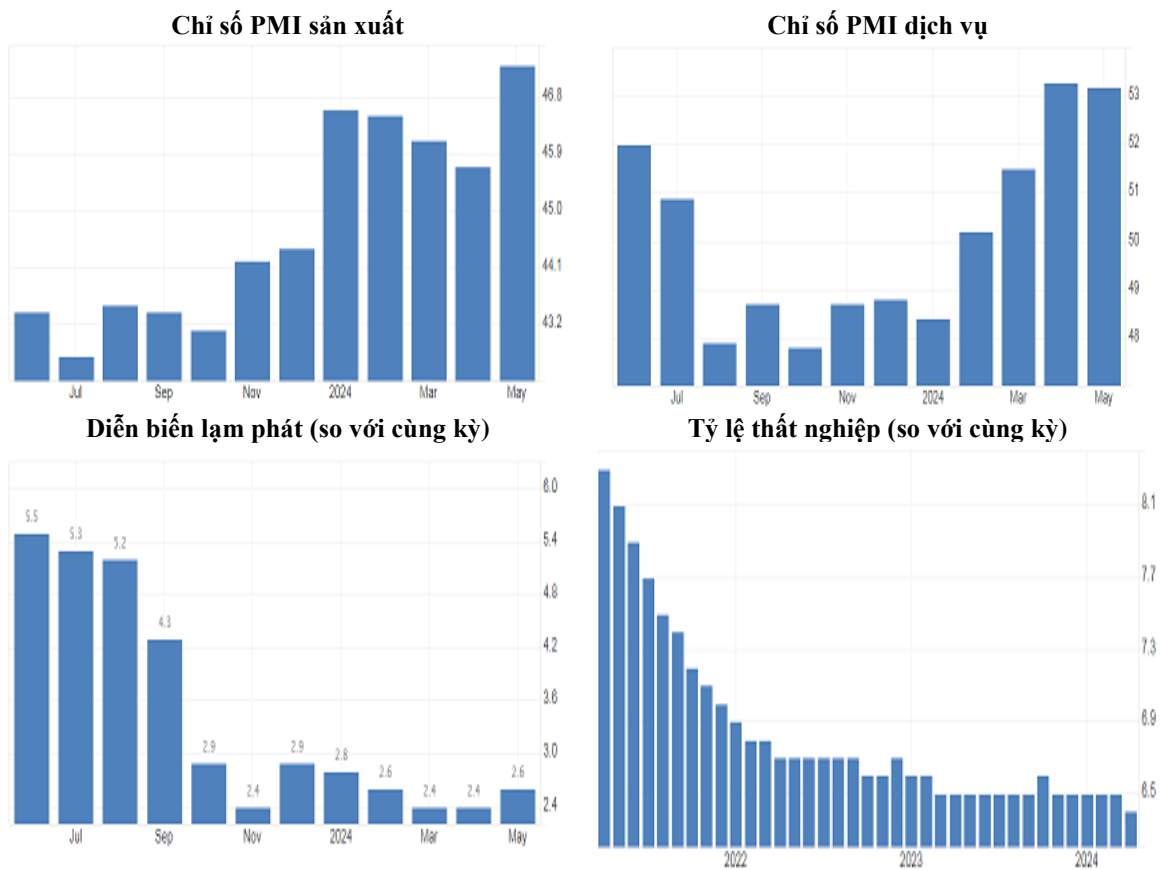


Nguồn: Trading economics

**Kinh tế khu vực EU có tín hiệu mới**

Trong tháng 5/2024, về cơ bản kinh tế khu vực Châu Âu chưa có thêm các tín hiệu tích cực mới so với tháng trước. Cụ thể, các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất như đơn hàng mới, sản lượng, mua hàng,... vẫn tiếp tục thu hẹp mặc dù tốc độ đã chậm lại, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đạt 47,3 điểm. Bên cạnh đó, mức độ cải thiện các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ gần như không có sự thay đổi so với tháng Tư, chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ hiện ở mức 53,2 điểm. Đồng thời, theo số liệu mới nhất doanh thu bán lẻ hàng hóa đã giảm 0,5% sau khi tăng 0,7% vào tháng trước. Xu hướng giảm xuất hiện trên cả nhóm hàng thực phẩm, đồ uống và nhiên liệu với mức giảm trong khoảng từ 0,1% - 2,2%.

Thị trường lao động trong khu vực đã có cải thiện nhẹ, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm 0,1 điểm phần trăm so với tháng trước, hiện ở mức 6,4%. Trong khi đó, lạm phát đã tăng 0,2 điểm phần trăm so với tháng trước lên 2,6%, xu hướng giá tăng xuất hiện chủ yếu ở nhóm hàng năng lượng và dịch vụ, lần lượt là 0,3% và 4,2%. Trong số các nền kinh tế chủ chốt trong khu vực, lạm phát đã tăng lớn hơn dự báo, tại Đức là 2,8%; tại Pháp là 2,7%; tại Tây Ban Nha là 3,8%.



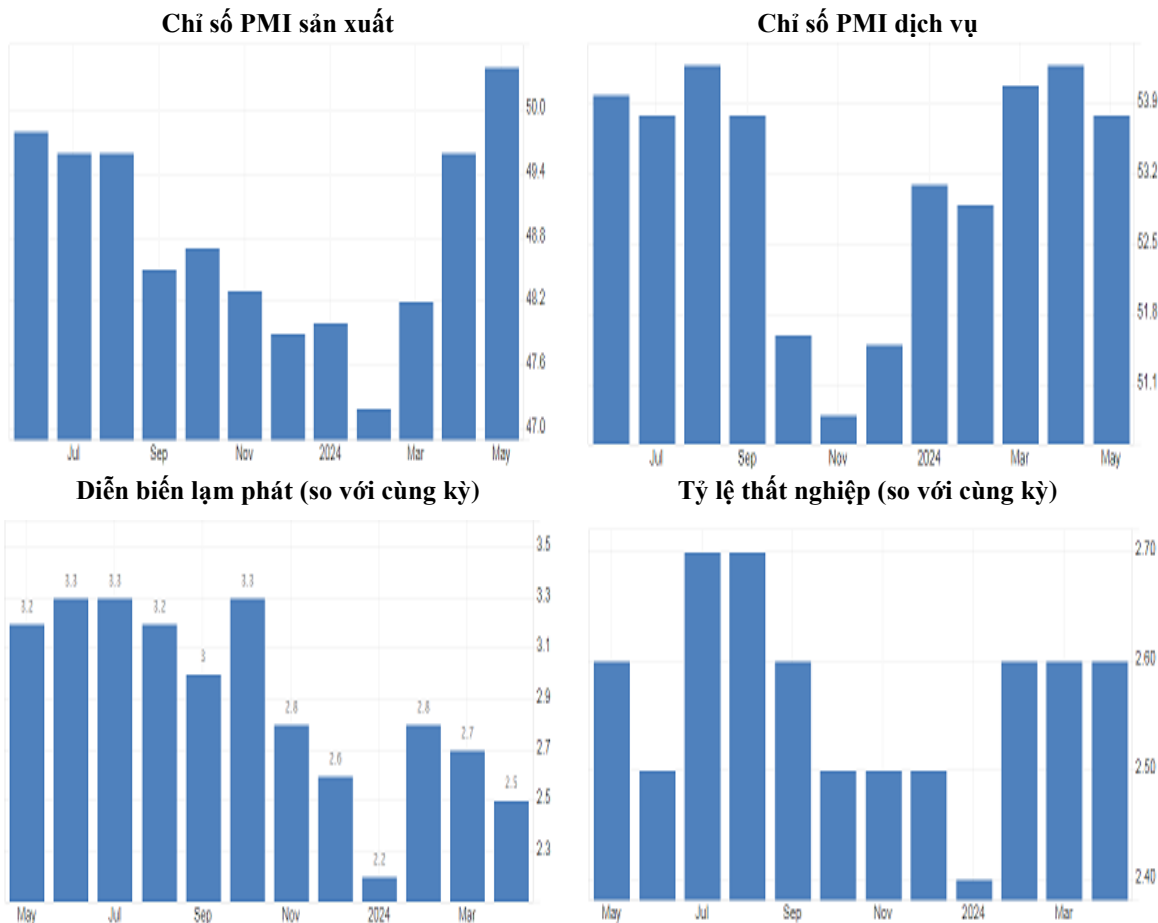
Nguồn: Trading economics

**Kinh tế Nhật Bản chứng kiến sự mở rộng trong cả lĩnh vực sản**

Trong tháng 5/2024, Nhật Bản đã có được sự cải thiện trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất lần đầu tiên đạt ngưỡng mở rộng kể từ tháng 5/2023, ở mức 50,4 điểm. Lĩnh vực sản xuất tiếp tục được hỗ trợ bởi tốc độ tăng ổn định của đơn hàng mới và hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Trong khi đó, các hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tiếp tục

**xuất và dịch vụ**

được cải thiện, chỉ số PMI đạt 53,8 điểm. Các doanh nghiệp tiếp tục mở rộng hoạt động tuyển dụng trên cả hai lĩnh vực. Hoạt động tiêu dùng trong nền kinh tế theo số liệu mới nhất cũng đã tăng trở lại sau khi suy giảm, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 2,4% so với cùng kỳ - cao hơn mức kỳ vọng của thị trường.



Nguồn: Trading economics

**Kinh tế Trung Quốc tiếp tục có thêm các diễn biến khởi sắc**

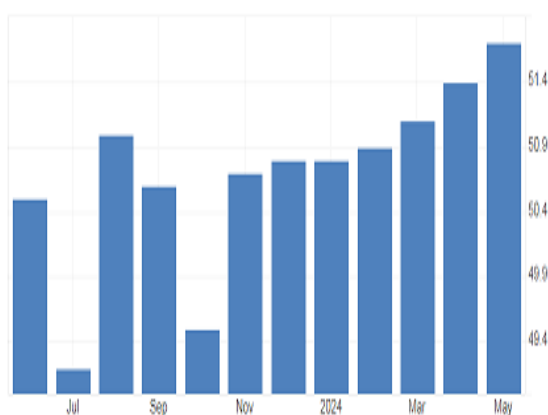
Trong tháng 5/2024, kinh tế Trung Quốc tiếp tục có thêm các diễn biến cải thiện trong các hoạt động kinh tế. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất theo Caixin đã tăng nhẹ 0,3 điểm so với tháng trước, đạt 51,7 điểm – mức mở rộng mạnh mẽ nhất kể từ tháng 6/2022. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này tiếp tục tăng tốc các hoạt động sản xuất và mua hàng. Bên cạnh đó, lĩnh vực dịch vụ tiếp tục được cải thiện, ghi nhận mức mở rộng mạnh nhất kể từ tháng 7/2023, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đạt 54 điểm từ mức 52,5 điểm của tháng trước – vượt kỳ vọng của thị trường. Doanh số bán lẻ hàng hóa theo dữ liệu công bố mới nhất tiếp tục có xu hướng hướng tăng so với tháng trước, ghi nhận mức tăng 0,03%.

Hoạt động thương mại tiếp tục khởi sắc trong tháng Năm, đáng chú ý là hoạt động xuất khẩu đã có tốc độ tăng trưởng mạnh hơn hoạt động nhập khẩu, lần lượt ở mức 7,6% và 1,8%. Cán cân thương mại thặng dư 82,62 tỷ USD – cao hơn nhiều so với dự báo của thị trường ở mức 73 tỷ USD.

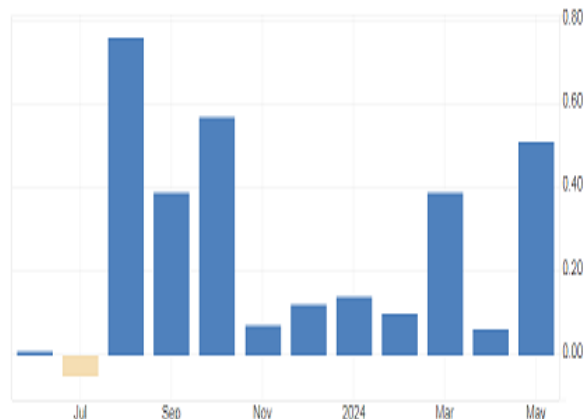
Trong tháng vừa qua, chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước

– không đổi so với mức tăng được ghi nhận trong tháng 4/2024, đồng thời là tháng thứ tư ghi nhận đà tăng của lạm phát. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp không thay đổi so với tháng trước, hiện ở mức 5%.

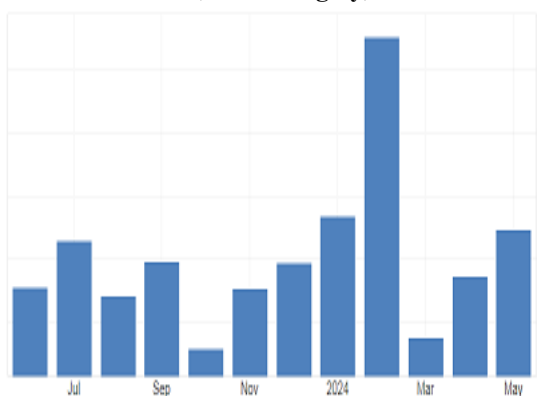
**Chỉ số PMI sản xuất**



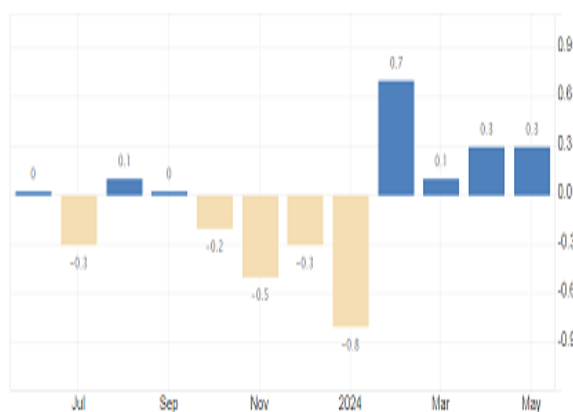
**Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)**



**Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)**



**Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)**



Nguồn: Trading economics

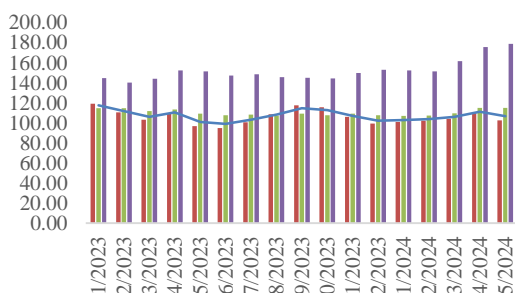
**Giá cả hàng hóa toàn cầu đã có diễn biến hạ nhiệt**

Giá cả hàng hóa trên toàn cầu có tháng giảm đầu tiên kể từ đầu năm. Theo dữ liệu của Ngân hàng thế giới công bố, chỉ số giá cả hàng hóa bình quân toàn cầu trong tháng Năm giảm 4,2% so với tháng trước, cụ thể:

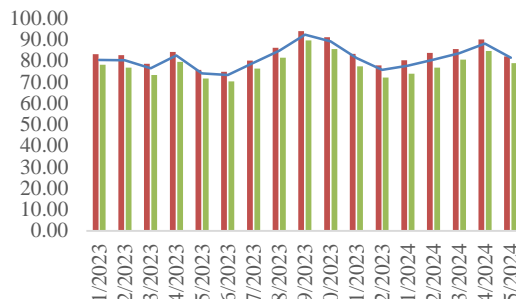
+ Chỉ số giá bình quân nhóm hàng năng lượng giảm 6,4% so với tháng trước, chủ yếu là do giá dầu bình quân giảm 7,46%, giá dầu Brent và WTI bình quân lần lượt giảm 8,95%; 6,83% và cuối tháng giao dịch ở mức 82 USD/thùng, 78,81 USD/thùng.

+ Chỉ số giá bình quân nhóm hàng phi năng lượng tăng nhẹ 0,07% so với tháng trước, ghi nhận diễn biến tăng của nhóm đồ ăn, nguyên liệu thô, kim loại và khoáng với mức tăng lần lượt là 1,33%; 0,25% và 5,52%. Trong khi đó, diễn biến giảm xuất hiện ở nhóm hàng phân bón giảm 4,7%, nhóm hàng nông nghiệp giảm 2,2% và đáng chú ý là mức giảm hơn 13% của nhóm hàng đồ uống.

+ Chỉ số giá bình quân nhóm hàng kim loại quý duy trì đà tăng của tháng trước, tăng 1,8%, ghi nhận diễn biến tăng trên cả 03 nhóm vàng, bạch kim và bạc với mức tăng bình quân lần lượt 0,84%; 7,92% và 6,8%.

**Diễn biến chỉ số giá hàng hóa**

■ Chi số giá năng lượng  
■ Chi số giá phi năng lượng  
■ Chi số giá kim loại quý  
— Chi số giá tổng thể

**Diễn biến giá dầu bình quân**

■ Giá dầu Brent bình quân  
■ Giá dầu WTI bình quân  
— Giá dầu bình quân

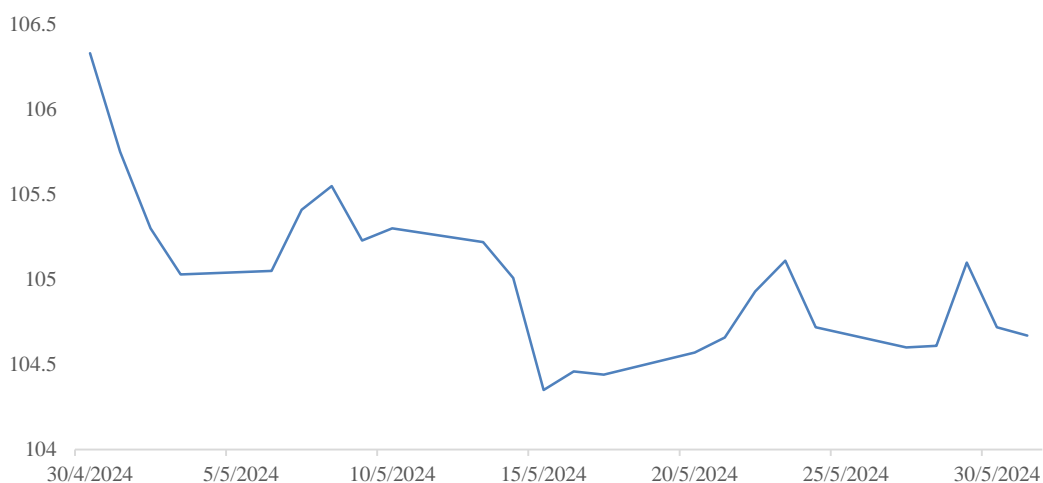
Nguồn: worldbank.org

## 2. Diễn biến thị trường tài chính

**Đồng USD đã giảm lần đầu tiên kể từ đầu năm**

Trong tháng Năm, đồng USD có tháng giảm đầu tiên kể từ đầu năm. Chỉ số USD giao ngay giảm 1,46% so với tháng trước. Chỉ số USD giao ngay kết thúc tháng ở mức 104,67.

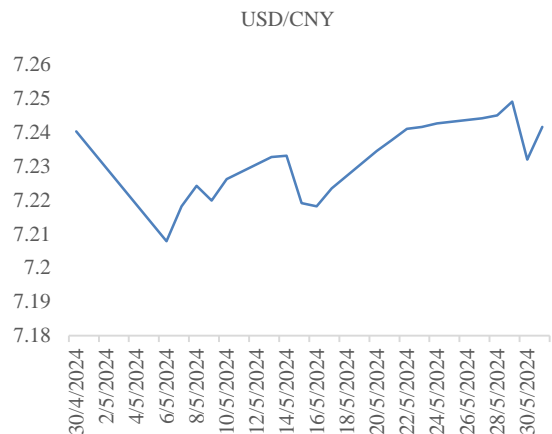
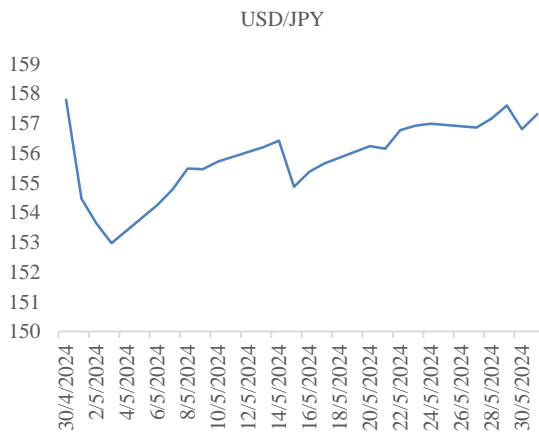
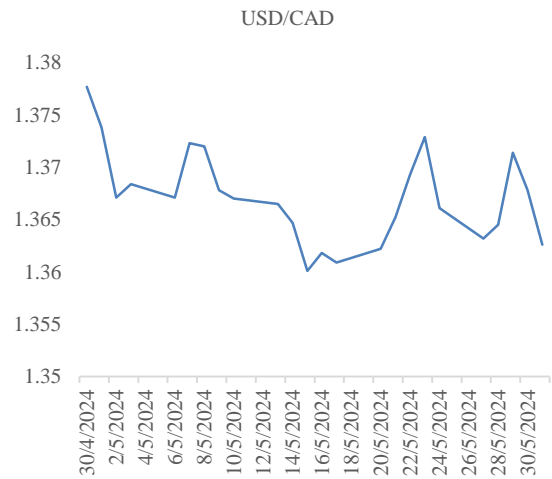
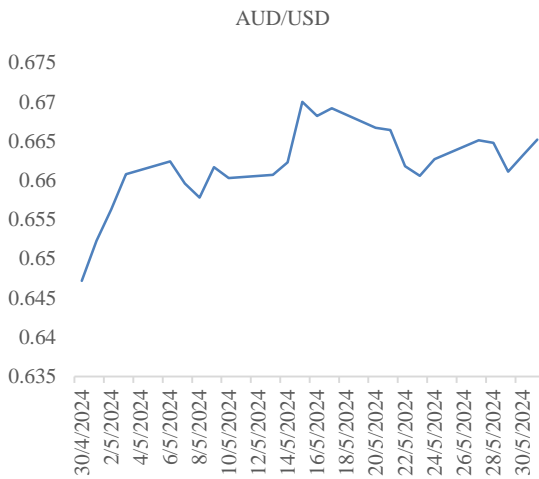
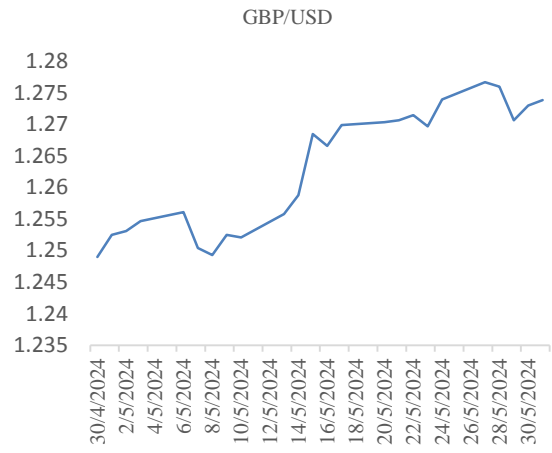
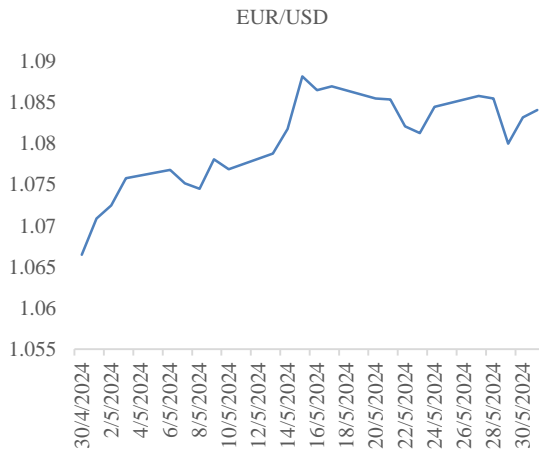
Trước diễn biến giảm của đồng USD, các đồng tiền giao dịch khác đều có xu hướng tăng so với đồng USD, ngoại trừ đồng CNY. Cụ thể tại khu vực Châu Âu, đồng EUR và đồng GBP đã tăng lần lượt 1,65% và 2% so với đồng USD, tỷ giá EUR/USD và GBP/USD giao dịch vào cuối tháng là 1,0841 và 1,2739. Bên cạnh đó, 02 đồng tiền mạnh khác tại khu vực Châu Á là đồng JPY và đồng CNY có diễn biến trái chiều, đồng JPY tăng 0,31% so với đồng USD, trong khi đó, đồng CNY vẫn tiếp tục diễn biến giảm 0,02% so với đồng USD. Kết thúc tháng Năm, tỷ giá USD/JPY và USD/CNY giao dịch ở mức 157,31 và 7,2415.

**Diễn biến chỉ số USD**

Nguồn: investing.com



### Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh

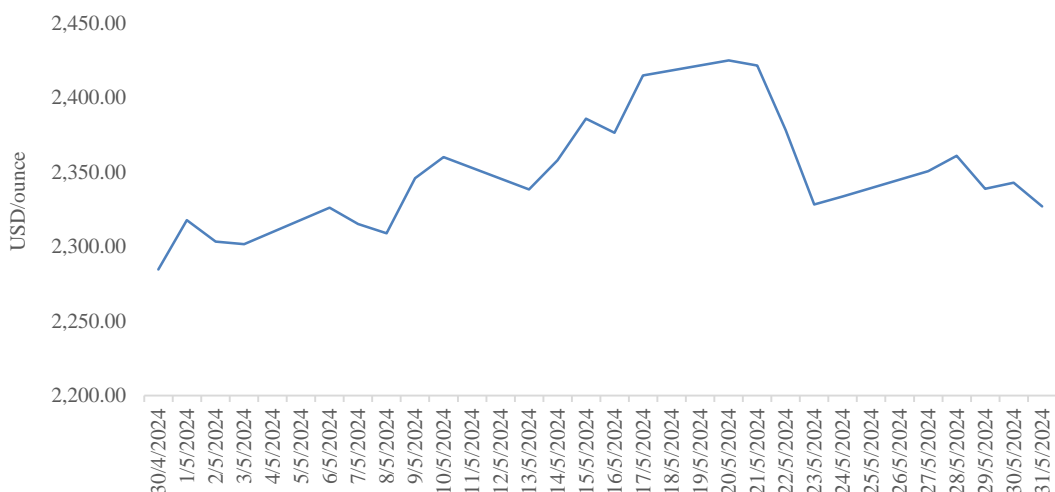


Nguồn: investing.com

### Vàng tăng giá tháng thứ tư liên tiếp

Trong tháng Năm, giá vàng tiếp tục có diễn biến tăng, giá vàng giao ngay và kỳ hạn cùng tăng 1,86% so với tháng trước. Kết thúc tháng, giá vàng giao ngay và kỳ hạn lần lượt ở mức 2.326,97 USD/ounce và 2.345,8 USD/ounce.

### Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: investing.com

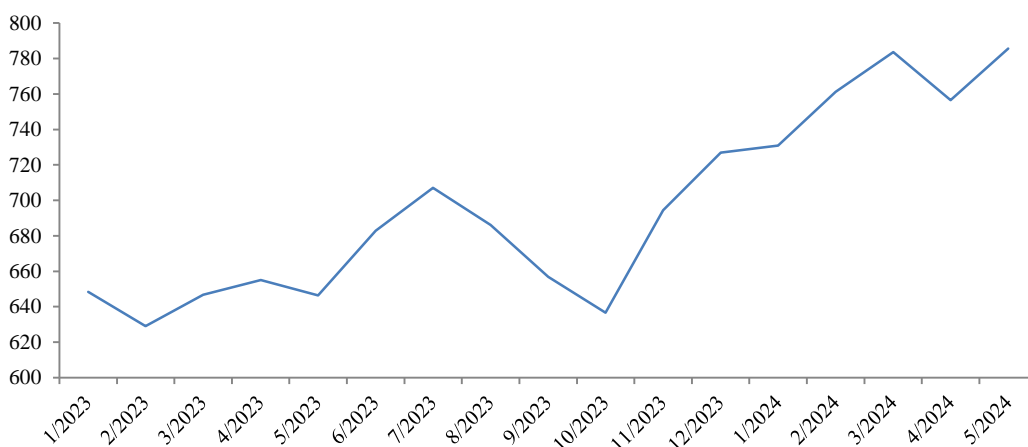
### Thị trường chứng khoán toàn cầu

**Thị trường chứng khoán toàn cầu tăng điểm trở lại**

Thị trường chứng khoán toàn cầu đã tăng trở lại, chỉ số MSCI ACWI tăng 3,82% so với tháng trước, ở mức 785,54 điểm.

Trên thị trường chứng khoán Mỹ, cả 03 chỉ số chứng khoán chính đều tăng điểm, cụ thể chỉ số Dow Jones tăng 2,3%, chỉ số công nghệ Nasdaq tăng 6,9% và chỉ số tổng hợp S&P 500 tăng 4,8%. Bên cạnh đó, chỉ số Euro Stoxx 50 tăng 1,27%, chỉ số DAX của Đức và chỉ số CAC 40 của Pháp lần lượt tăng 3,16% và 0,1%.

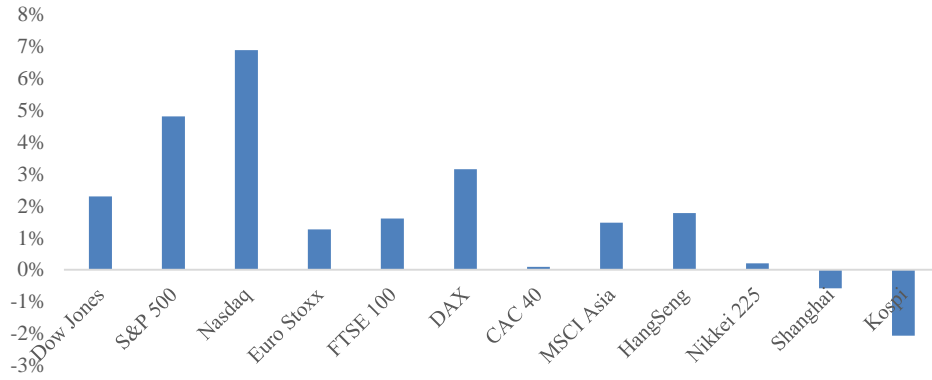
### Diễn biến chỉ số MSCI ACWI giai đoạn 1/2023 – 5/2024



Nguồn: msci.com

Tại khu vực Châu Á, chỉ số chung MSCI Asia tăng trở lại, ở mức 1,47%. Diễn biến tăng được ghi nhận tại thị trường Hong Kong, Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia và Singapore với mức tăng dao động trong khoảng 0,21% – 4,56%. Trong khi đó, diễn biến giảm đã diễn ra tại thị trường chứng khoán Trung Quốc, Indonesia, Thái Lan và Hàn Quốc, dao động trong khoảng 0,58% – 3,64%.

### Mức độ biến động của các chỉ số chứng khoán chủ chốt



Nguồn: Bloomberg

## II. KINH TẾ TRONG NƯỚC

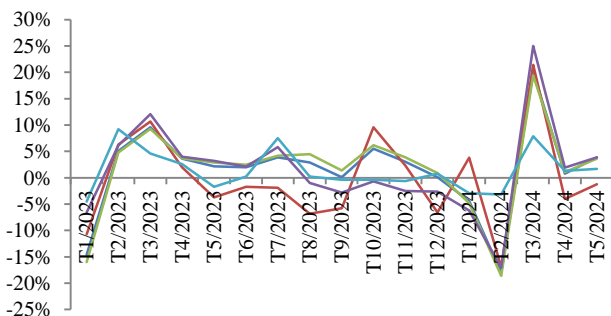
### 1. Tăng trưởng kinh tế

*Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực*

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp – IIP tháng Năm ước tính tăng 3,9% so với tháng trước, tăng 8,9% so với cùng kỳ. Diễn biến tăng trưởng tốt được ghi nhận tại Quảng Ngãi, Bắc Ninh, Cần Thơ với mức tăng lần lượt là 86,3%; 13,1% và 7,5%. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,6%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,4%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,4%; riêng ngành khai khoáng tiếp tục giảm 9,4%.

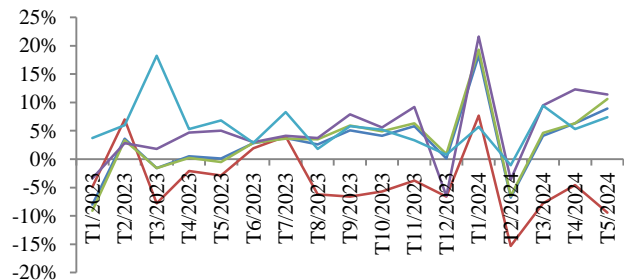
Tính chung năm tháng đầu năm 2024, chỉ số IIP ước tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước, diễn biến tốt hơn so với mức giảm 2% cùng thời điểm năm ngoái. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 7,3%, đóng góp 6,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,7%, đóng góp 1,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 5,2%, làm giảm 0,8 điểm phần trăm.

Diễn biến IIP so với tháng trước



- Toàn ngành
- Khai khoáng
- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Sản xuất và phân phối điện
- Cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải

Diễn biến IIP so với cùng kỳ

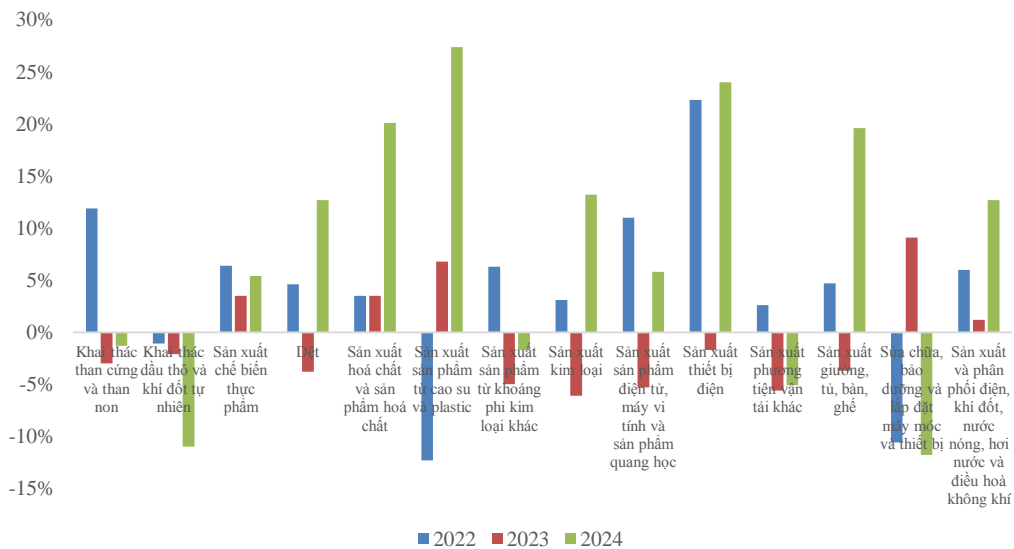


- Toàn ngành
- Khai khoáng
- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Sản xuất và phân phối điện
- Cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải

Nguồn: TCTK

Trong năm tháng đầu năm, chỉ số sản xuất của một số ngành trọng điểm cấp II đã có được mức tăng trưởng cao như sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất thiết bị điện; sản xuất hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất với mức tăng lần lượt là 27,4%; 24% và 20,1%. Trong khi đó, một số ngành đã có chỉ số IIP giảm tương đối cao như sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 11,8%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 11%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 5,1%.

Diễn biến của các nhóm ngành công nghiệp trọng điểm (2022 – nay)



Nguồn: TCTK

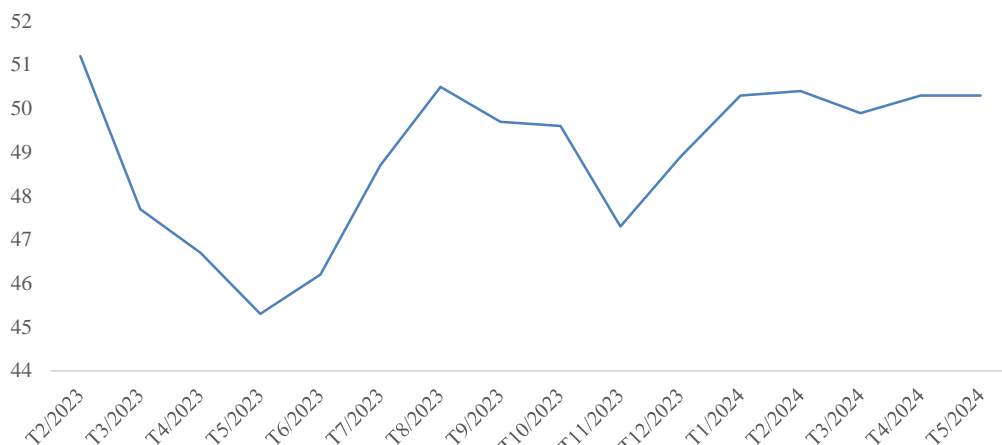
Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/5/2024 tăng 1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 3,2% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, tỷ lệ lao động của doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,7% và tăng 0,5%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,3% và tăng 4,4%; doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và giảm 0,3%.

**Các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất cải thiện nhẹ**

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - ngành sản xuất của Việt Nam không thay đổi khi đạt 50,3 trong tháng Năm, cho thấy các điều kiện kinh doanh của ngành đã cải thiện nhẹ tháng thứ hai liên tiếp. Trong đó, đáng chú ý là số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng mạnh khiến sản lượng tăng nhanh hơn, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng đã khuyến khích các nhà sản xuất nâng cao sản lượng tháng thứ hai liên tiếp, với tốc độ tăng đạt mức cao nhất kể từ tháng 9/2022.

Bên cạnh những cải thiện tích cực, các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất phải đối diện với tình trạng tăng giá mạnh, tốc độ tăng giá đã tăng nhanh nhất kể từ tháng 6/2022. Chi phí đầu vào tăng mạnh đã khiến giá bán hàng tăng, và đây là lần tăng đầu tiên trong ba tháng.

### Diễn biến chỉ số PMI

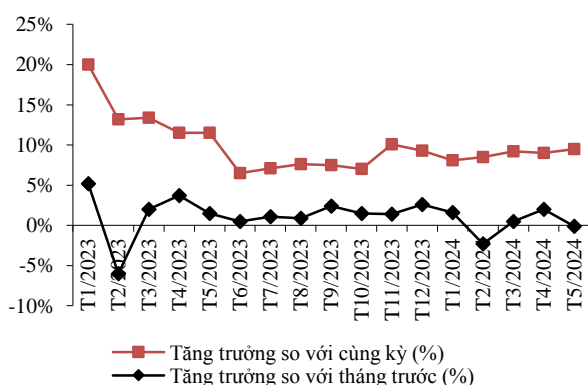


Nguồn: Nikkei

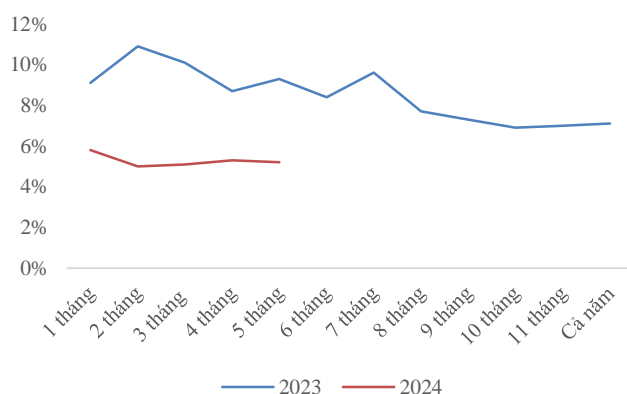
**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm so với tháng trước**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Năm ước tính đạt 519,8 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ 0,1% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ, ghi nhận sự phục hồi mạnh của ngành du lịch. Tính chung năm tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 2.580,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 5,2%<sup>1</sup>. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 1.998,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,5% tổng mức và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 296,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,5% tổng mức, tăng 15,1%; doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 24,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức, tăng 45,1%. Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 261,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 8,8%.

**Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ**



**Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (so với cùng kỳ)**



Nguồn: TCTK

**Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tăng**

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Năm đạt 48,2 nghìn tỷ đồng, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý đạt 8,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

<sup>1</sup> Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cùng kỳ năm 2023 loại trừ yếu tố giá tăng 9,3%.

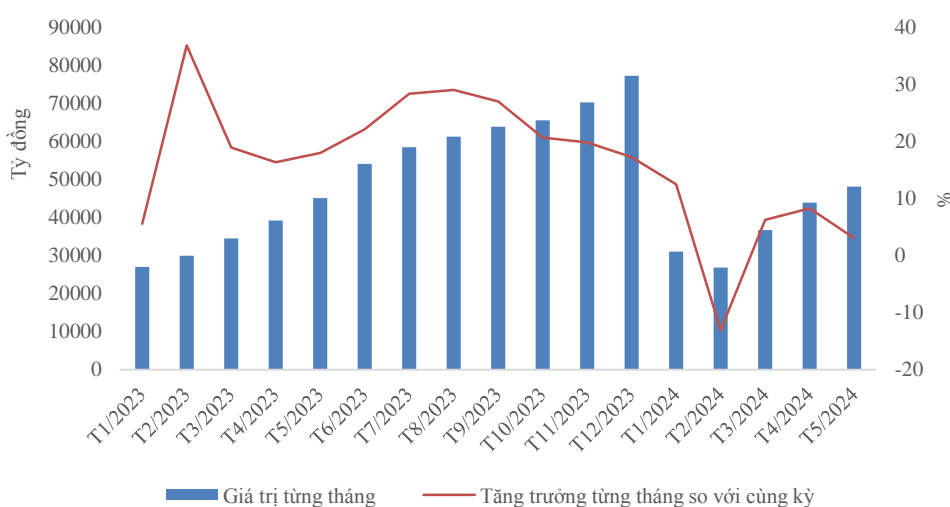
nhẹ so với cùng kỳ

Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 39,6 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7%.

Tính chung năm tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 190,6 nghìn tỷ đồng, bằng 26,6% kế hoạch năm và tăng 5% so với cùng kỳ năm trước<sup>2</sup>. Trong đó, vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 32,5 nghìn tỷ đồng, bằng 29,3% kế hoạch năm và giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 158,1 nghìn tỷ đồng, bằng 26,1% kế hoạch năm và tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện đạt mức cao nhất tại Thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Thanh Hóa với tốc độ tăng trưởng lần lượt là 25%; 23,8% và 19,8%.

Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN



Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư nước ngoài tăng so với cùng kỳ

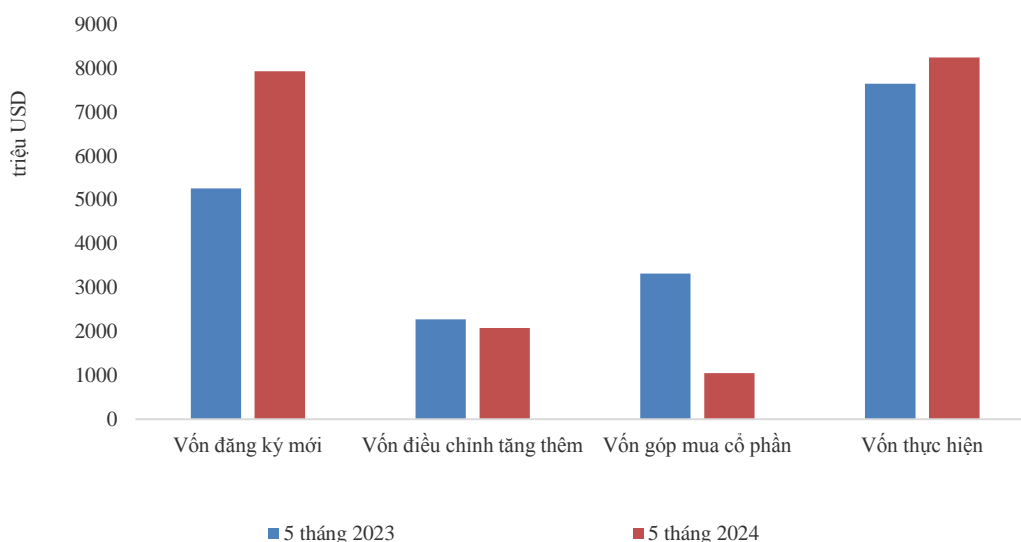
Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến 20/5/2024 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 11,07 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 1.227 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 7,94 tỷ USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 50,8% về số vốn đăng ký. Vốn đăng ký điều chỉnh có 440 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 2,08 tỷ USD, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.158 lượt với tổng giá trị góp vốn 1,05 tỷ USD, giảm 68,2% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn FDI thực hiện qua năm tháng đầu năm ước đạt 8,25 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước. Vốn FDI giải ngân cho lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,5 tỷ USD, chiếm 78,9% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 781,0 triệu USD, chiếm 9,5%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt

<sup>2</sup> Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước trong bốn tháng đầu năm 2023 bằng 24,8% kế hoạch năm và tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước.

336,2 triệu USD, chiếm 4,1%.

#### Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam



Nguồn: TCTK

Trong số 53 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 2,92 tỷ USD, chiếm 36,8% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hong Kong với 957,2 triệu USD, chiếm 12,1%; Nhật Bản 947,7 triệu USD, chiếm 11,9%; Trung Quốc 926,1 triệu USD, chiếm 11,7%; Thổ Nhĩ Kỳ 730,1 triệu USD, chiếm 9,2%; Đài Loan 517,1 triệu USD, chiếm 6,5%.

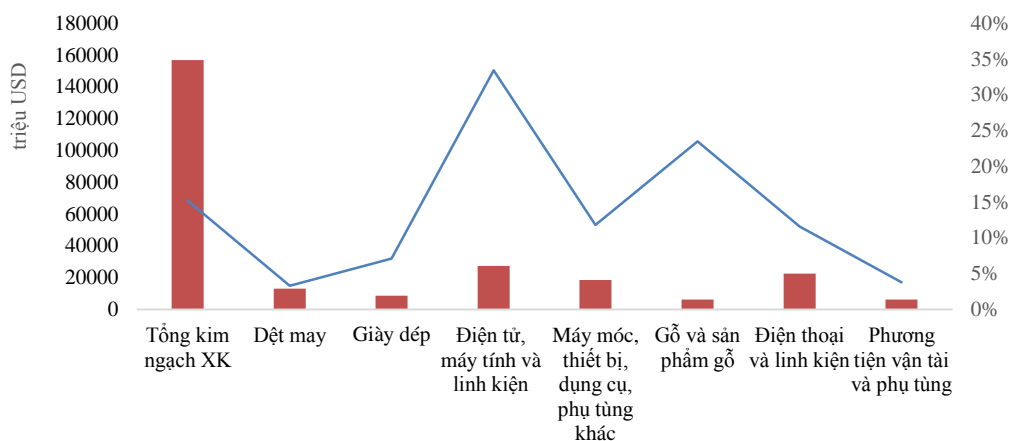
**Kim ngạch xuất nhập khẩu tiếp tục có diễn biến tăng**

Trong tháng Năm, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa theo số liệu của Tổng cục Hải quan cung cấp ước đạt 66,62 tỷ USD, tăng 9,1% so với tháng trước và tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 305,53 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Năm ước đạt 32,81 tỷ USD, tăng 5,7% so với tháng trước, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,37 tỷ USD, tăng 2,7% và tăng 13%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 23,44 tỷ USD, tăng 6,9% và tăng 17%.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tính chung năm tháng đầu năm ước đạt 156,77 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 43,69 tỷ USD, tăng 20,5%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 113,08 tỷ USD, tăng 13,3%, chiếm 72,1%. Trong cán cân xuất khẩu hiện có 26 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 90% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, có 07 mặt hàng đạt kim ngạch trên 5 tỷ USD, chiếm 65,3%.

### Diễn biến một số mặt hàng xuất khẩu năm tháng đầu năm 2024

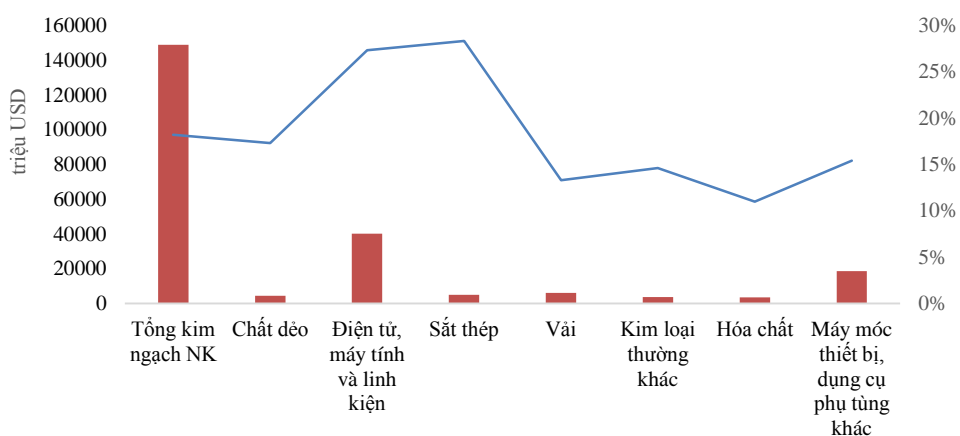


Nguồn: TCTK

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Năm ước đạt 33,81 tỷ USD, tăng 12,8% so với tháng trước, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 12,81 tỷ USD, tăng 11,2% và tăng 38,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 21 tỷ USD, tăng 13,7% và tăng 25,3%. Tính chung năm tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 148,76 tỷ USD, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 54,95 tỷ USD, tăng 24,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 93,81 tỷ USD, tăng 14,9%.

Trong kim ngạch nhập khẩu hiện có 27 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 84,5% tổng kim ngạch nhập khẩu, có 04 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 47%.

### Diễn biến một số mặt hàng nhập khẩu năm tháng đầu năm 2024

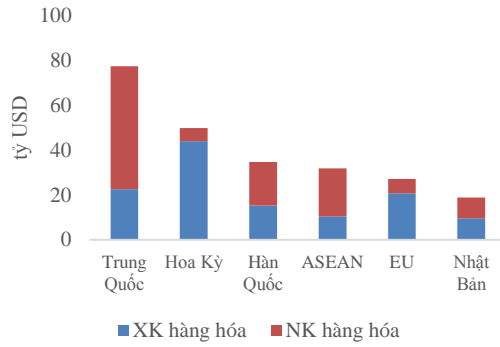


Nguồn: TCTK

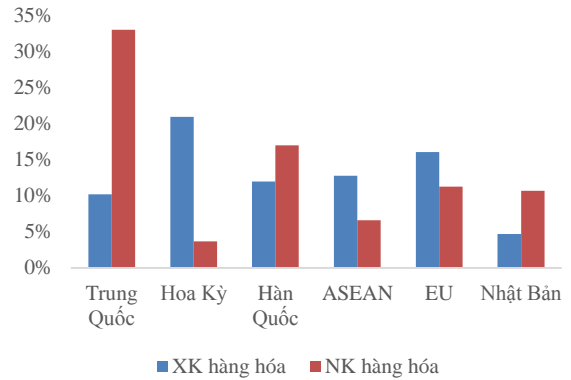
Trong năm tháng, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch ước đạt 44 tỷ USD, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 38,1 tỷ USD, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch ước đạt 54,9 tỷ USD, nhập siêu từ Trung Quốc là 32,3 tỷ USD, tăng 55,9%.



**Kim ngạch XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước**



**Tốc độ tăng trưởng XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước so với cùng kỳ năm trước**

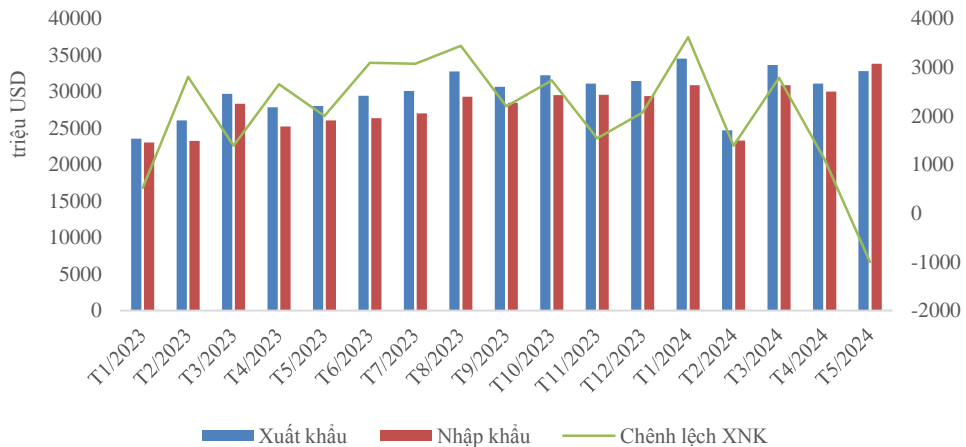


Nguồn: TCTK

**Cán cân thương mại ước tính xuất siêu**

Tính chung năm tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 8,01 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 10,2 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 11,26 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 19,27 tỷ USD.

**Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2023 – 2024)**



Nguồn: TCTK

**VBQPPL quan trọng liên quan đến kinh tế vĩ mô được ban hành trong tháng 5 năm 2024**

**Chỉ thị 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025**

**1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) năm 2024:**

- Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển đề ra tại Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021- 2030 và theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Đánh giá đúng thực chất, bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, có so sánh với năm 2023 và các năm 2021-2023, bao gồm:
  - + Các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển KTXH 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2024;
  - + Phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, thể chế, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh;
  - + Các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích kỹ các nguyên nhân chủ quan và khách quan; xác định các

nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để kịp thời khắc phục, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện đời sống Nhân dân trong những tháng cuối năm.

## 2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) năm 2025:

- Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH các năm 2021-2023;

- Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 đột phá chiến lược, 06 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phấn đấu đạt được mục tiêu theo chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH của cả nước, kế hoạch 5 năm về phát triển KTXH của địa phương (đối với các địa phương);

- Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải:

+ Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

+ Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu;

+ Bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ;

+ Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu;

+ Phù hợp với thông lệ.

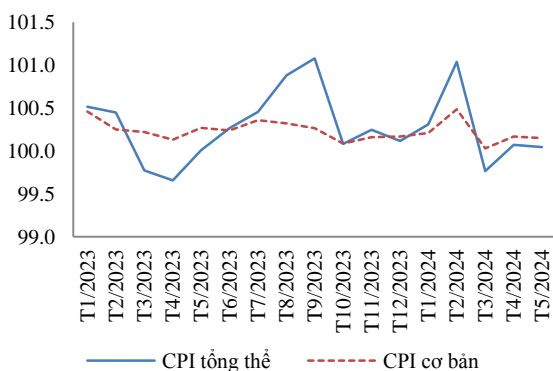
## 2. Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục tăng so với tháng trước

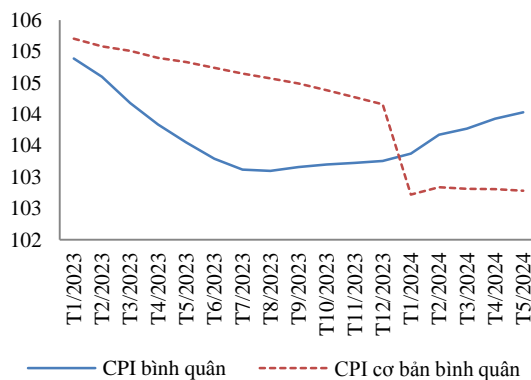
CPI tháng Năm ước tăng 0,05% so với tháng trước, tăng 4,44% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân năm tháng tăng 4,03% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Diễn biến tăng của CPI trong tháng chủ yếu là do giá thịt lợn tăng và thiếu hụt nguồn cung sau đợt dịch tả lợn châu Phi vào cuối năm 2023 và giá điện sinh hoạt tăng khi thời tiết nắng nóng.

Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản tăng 0,15% so với tháng trước và tăng 2,68% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm tháng tăng 2,78% so với cùng kỳ năm trước.

CPI so với tháng trước (%)

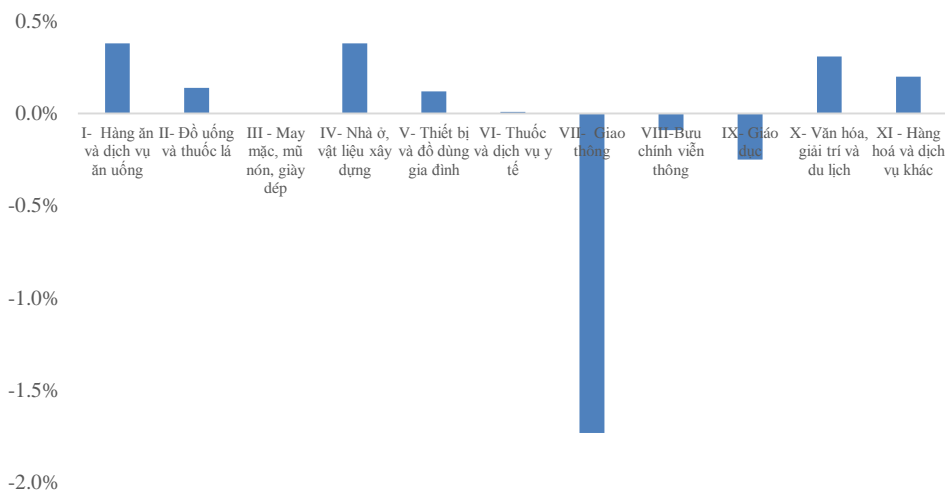


CPI bình quân so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

### Diễn biến tăng, giảm chỉ số CPI của các nhóm hàng



Nguồn: TCTK

#### **VBQPPL quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 5 năm 2024**

**Công văn số 2864/BCT-TTTN ngày 02/5/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu**

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 8 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 40 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 110 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 142 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 255 đồng/kg.

**Công văn số 3084/BCT-TTTN ngày 09/5/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu**

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 1.288 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 1.411 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 759 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 843 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 160 đồng/kg.

**Công văn số 3250/BCT-TTTN ngày 16/5/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu**

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 508 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 409 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 26 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 207 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 85 đồng/kg.

**Công văn số 3469/BCT-TTTN ngày 23/5/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu**

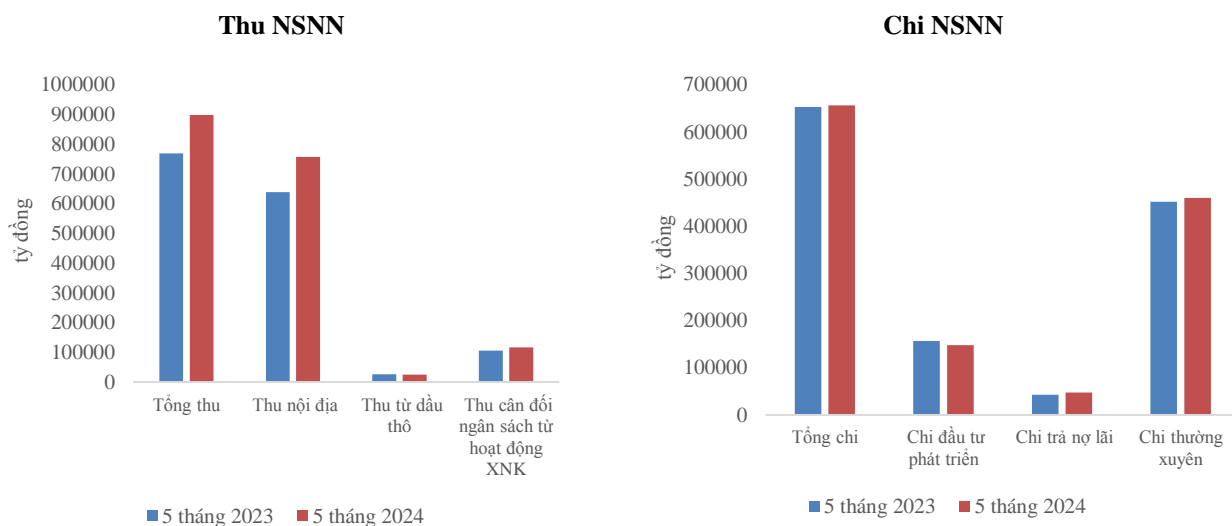
Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 162 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 78 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 36 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 6 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 95 đồng/kg.

### **3. Thu chi ngân sách Nhà nước**

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng Năm ước đạt 150,9 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước năm tháng đầu năm 2024 ước đạt 898,4 nghìn tỷ đồng, bằng 52,8% dự toán năm và tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa ước đạt 757,5 nghìn tỷ đồng, bằng 52,4% dự toán năm và tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước; thu từ dầu thô ước đạt 24,7 nghìn tỷ đồng, bằng 53,6% và giảm 5,5%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu

ước đạt 116,2 nghìn tỷ đồng, bằng 57% và tăng 7,8%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng Năm ước đạt 140,1 nghìn tỷ đồng. Lũy kế năm tháng đầu năm 2024 ước đạt 656,7 nghìn tỷ đồng, bằng 31% dự toán năm và tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên ước đạt 460,5 nghìn tỷ đồng, bằng 36,6% dự toán năm và tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 148,3 nghìn tỷ đồng, bằng 21,9% và giảm 5,6%; chi trả nợ lãi 47,5 nghìn tỷ đồng, bằng 42,5% và tăng 10,1%.



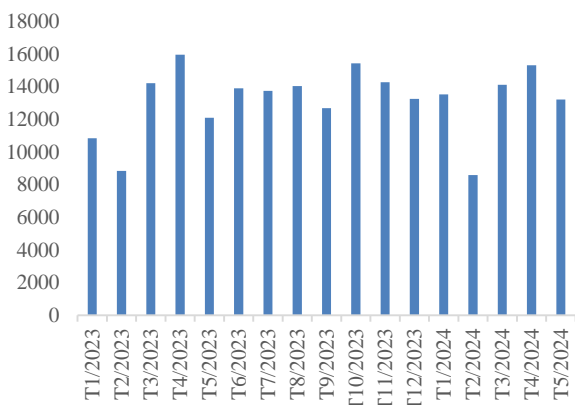
Nguồn: TCTK

#### 4. Tình hình doanh nghiệp

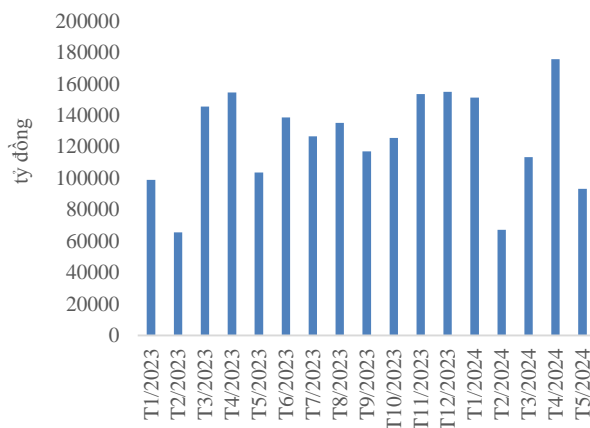
Trong tháng Năm, cả nước có hơn 13,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 93,2 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký gần 72,6 nghìn lao động, giảm 13,7% về số doanh nghiệp, giảm 47% về vốn đăng ký và giảm 23,6% về số lao động so với tháng trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 7,1 tỷ đồng, giảm 38,5% so với tháng trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 6.749 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 18,8% so với tháng trước.

Tính chung năm tháng đầu năm 2024, cả nước có 64,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký hơn 601,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký 426,4 nghìn lao động, tăng 4,5% về số doanh nghiệp, tăng 5,7% về vốn đăng ký và tăng 5% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm tháng đầu năm 2024 đạt 9,3 tỷ đồng, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có gần 34,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm tháng đầu năm 2024 lên 98,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 19,8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

**Số doanh nghiệp thành lập mới (2023 – nay)**



**Vốn đăng ký kinh doanh (2023 – nay)**



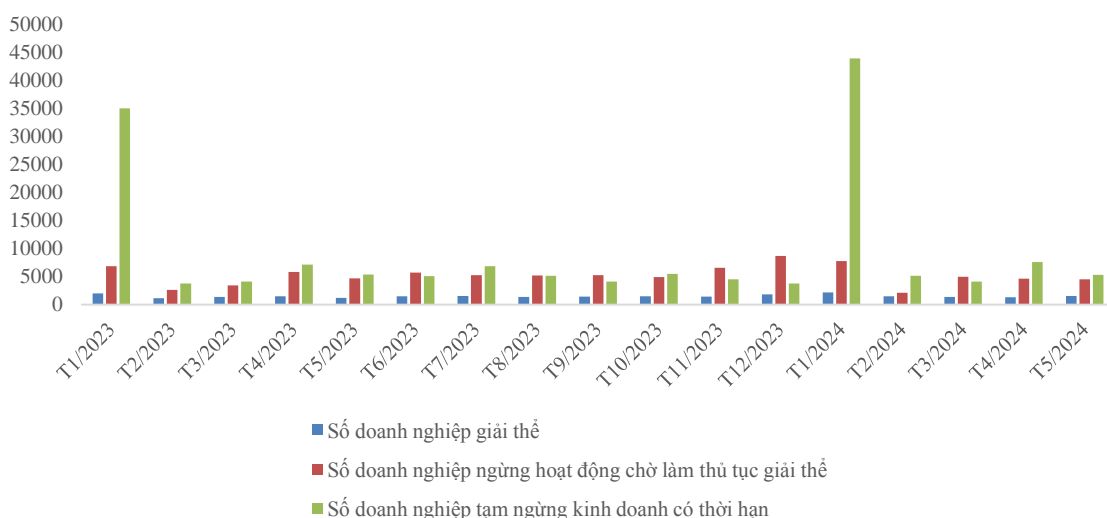
Nguồn: TCTK

Các doanh nghiệp mới gia nhập thị trường trong năm tháng đầu năm theo khu vực kinh tế có 630 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước; 15,4 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 4,2%; 48,7 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 4,6%.

Cũng trong tháng Năm, có 5.303 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 30,4% so với tháng trước và giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước; có 4.550 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 2,3% và giảm 3,5%; có 1.538 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 14,4% và tăng 25,8%.

Tính chung năm tháng đầu năm, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 66,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước; 23,3 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 8,8%; gần 8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 8,4%. Bình quân một tháng có 19,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

**Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (2023 – nay)**



Nguồn: TCTK

**VBQPPL quan trọng trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng được ban hành  
trong tháng 5 năm 2024**

**Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt**

1. Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt bao gồm:

- Mở và sử dụng tài khoản thanh toán;
- Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt;
- Dịch vụ trung gian thanh toán;
- Tổ chức, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán.

2. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm quản lý Nhà nước về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt như sau:

- Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; quy định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt;
- Tổ chức, quản lý, vận hành, giám sát hệ thống thanh toán quốc gia; tham gia tổ chức, giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng khác; giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán;
- Chấp thuận việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;
- Chấp thuận và thu hồi văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;
- Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của các tổ chức, cá nhân;...

**Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 02/5/2024 về triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô**

1. Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả. Cụ thể là:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quán triệt và quyết liệt triển khai đầy đủ, hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ theo các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị; các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, nhất là các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024, Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 và các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ về điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, tỷ giá, lãi suất, thị trường vàng...;
- Điều hành tăng trưởng tín dụng hiệu quả gắn với ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống tổ chức tín dụng.

2. Thanh tra, kiểm tra ngay thị trường vàng, hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh vàng. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát chặt chẽ việc cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng, thực hiện ngay công tác thanh tra, kiểm tra đối với thị trường vàng, hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh vàng, các cửa hàng, đại lý phân phối và mua bán vàng miếng, kiện toàn hệ thống thanh tra, kiểm tra bảo đảm thông suốt, gắn kết từ Trung ương đến địa phương, hiệu lực, hiệu quả.

3. Thủ tướng chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính tiếp tục điều hành chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, phối hợp đồng bộ, hài hòa, linh hoạt, chặt chẽ với chính sách tiền tệ và các chính sách kinh tế vĩ mô khác để thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

**Quyết định số 869/QĐ-NHNN ngày 10/5/2024 ban hành Kế hoạch của NHNN triển khai Nghị quyết 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia**

**Quyết định số 1012/QĐ-NHNN ngày 29/5/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình mua, bán vàng miếng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 563/QĐ-NHNN ngày 18/3/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

**Quyết định số 1039/QĐ-NHNN ngày 31/5/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình mua, bán vàng miếng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 563/QĐ-NHNN ngày 18/3/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Quyết định số 1012/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

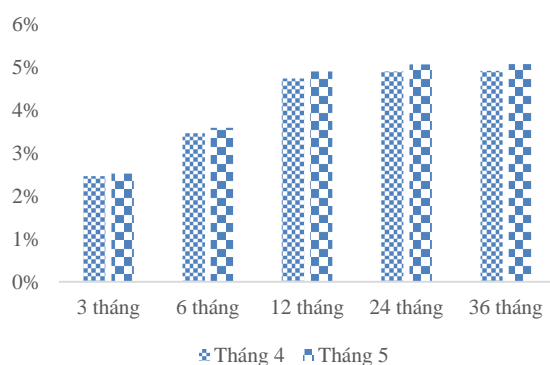
## 5. Diễn biến thị trường tài chính

*Lãi suất  
huy  
động  
tiếp  
tục  
tăng*

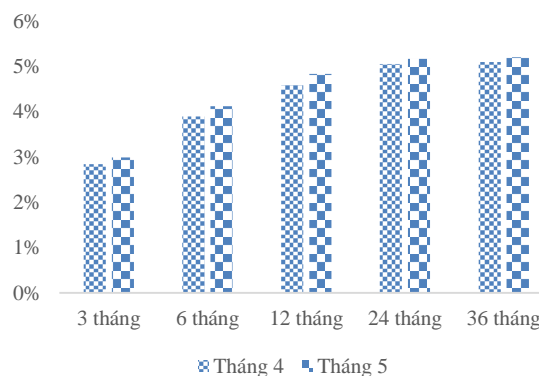
Trong tháng Năm, lãi suất huy động trong nền kinh tế tiếp tục tăng trên tất cả các kỳ hạn, xuất hiện chủ yếu trong khối NHTM CP. Cụ thể, lãi suất huy động bình quân tại kỳ hạn 3, 6 tháng đã tăng lần lượt là 0,15 và 0,22 điểm phần trăm; lãi suất huy động kỳ hạn từ 12 tháng trở lên tăng trong khoảng 0,11 – 0,24 điểm phần trăm. Kết thúc tháng, lãi suất huy động trong khối NHTM CP kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% – 3,8%/năm; kỳ hạn 6 tháng từ 2,9% – 4,8%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên dao động từ 3,7% – 5,8%/năm.

Trong khi đó, lãi suất huy động có diễn biến đi ngang tại 04 NHTM NN, lãi suất huy động được điều chỉnh tăng tại 02 ngân hàng TNHH MTV Xây dựng và Dầu khí toàn cầu tại tất cả các kỳ hạn với mức tăng dao động trong khoảng 0,1 – 0,6 điểm phần trăm. Tính đến cuối tháng Năm, lãi suất huy động trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước đối với kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% – 3,5%/năm; kỳ hạn 6 tháng từ 2,9% – 5%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên dao động từ 4,6% – 6%/năm.

**Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước**



**Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần**



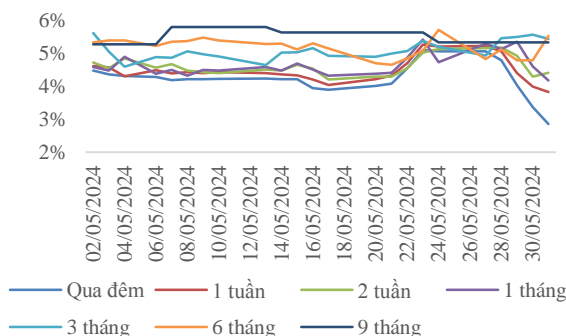
*Nguồn: tổng hợp*

Tính đến cuối tháng 5/2024, mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường có xu hướng giảm. Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4%/năm.

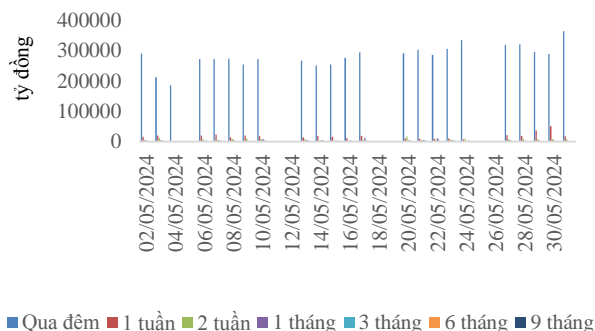
**Lãi suất liên ngân hàng đã giảm tại các kỳ hạn huy động ngắn**

Trong tháng Năm, lãi suất liên ngân hàng đã có diễn biến hạ nhiệt so với tháng trước, cụ thể lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn huy động ngắn (qua đêm – 01 tháng) đã giảm sau khi tăng mạnh trong tháng Tư, giảm trong khoảng 0,29 – 1,75 điểm phần trăm, giảm mạnh nhất là lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm. Trong khi đó, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ 03 tháng trở lên tiếp tục có diễn biến tăng nhẹ so với tháng trước, tăng dao động từ 0,06 – 0,43 điểm phần trăm. Kết thúc tháng Năm, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn dao động từ 2,85% – 4,41%/năm; lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 1 – 3 tháng là 4,18% – 5,44%/năm và lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ 6 – 9 tháng là 5,34% – 5,53%/năm.

**Diễn biến lãi suất liên ngân hàng**



**Doanh số giao dịch liên ngân hàng**



Nguồn: NHNN

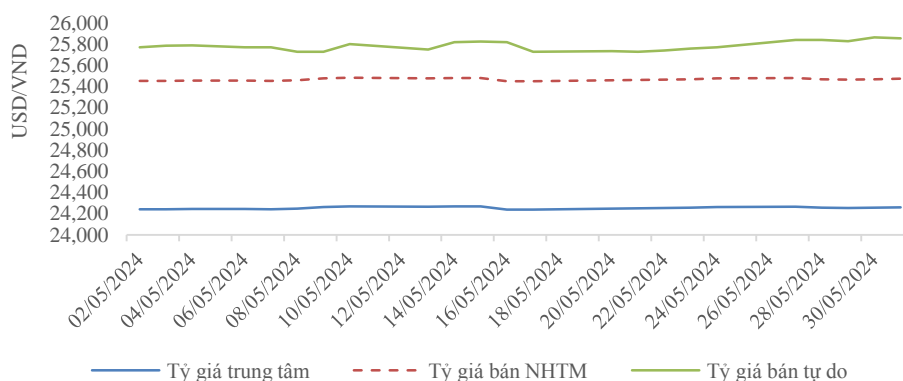
**Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng nhưng đã có tín hiệu giảm nhiệt so với tháng trước**

Tháng Năm tiếp tục ghi nhận xu hướng tăng của tỷ giá nhưng đã hạ nhiệt so với tháng trước. Cụ thể tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng 0,06%, tương đương với 15 đồng so với cuối tháng trước. Trong khi đó, tỷ giá mua – bán tham khảo của Cục quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước đã đi ngang trong tháng. Kết thúc tháng Năm, tỷ giá trung tâm niêm yết ở mức 24.261 USD/VND và tỷ giá mua – bán tham khảo của Cục quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước ở mức 23.400 – 25.450 USD/VND.

Trên cơ sở đó, tỷ giá giao dịch trong nền kinh tế tiếp tục tăng, tỷ giá giao dịch tại các NHTM tăng thấp hơn rất nhiều so với mức tăng của tháng trước. Theo số liệu khảo sát, tỷ giá mua – bán của Vietcombank và Eximbank tăng dao động trong khoảng 0,06% – 0,54%. Tính đến cuối tháng, tỷ giá giao dịch tại Vietcombank là 25.254 – 25.474 USD/VND (mua vào – bán ra). Trong khi đó, tỷ giá trên thị trường tự do theo số liệu khảo sát, tăng khoảng 0,9% và 0,96% so với tháng trước. Tỷ giá giao dịch trên cả hai thị trường tiếp tục có xu hướng tăng mạnh ở chiều mua vào. Kết thúc tháng Năm, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát là 25.775 – 25.855 USD/VND. Chênh lệch tỷ giá bán trên thị trường tự do và tỷ giá bán của Vietcombank đã tăng lên mức 381 đồng.



### Diễn biến tỷ giá USD/VND

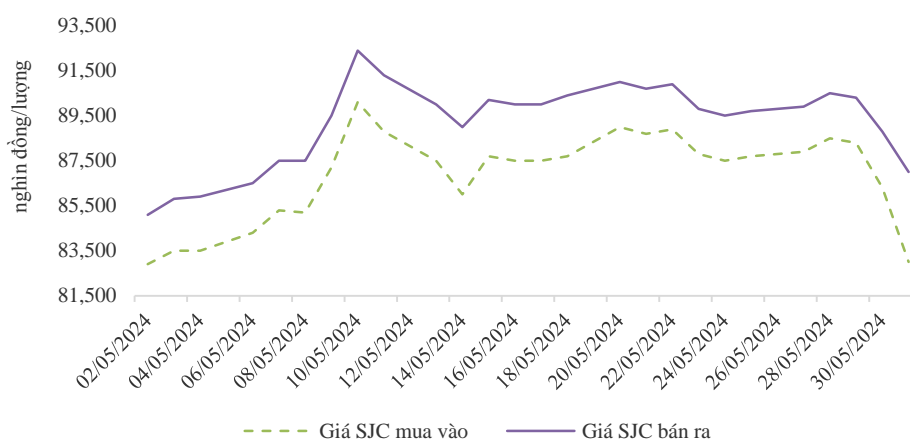


Nguồn: NHNN

**Giá vàng đã đạt ngưỡng giá giao dịch cao nhất trong nhiều năm**

Giá vàng giao dịch trong tháng Năm liên tục xác lập các mức giá giao dịch cao nhất trong nhiều năm qua. Theo số liệu khảo sát, tính đến cuối tháng, giá vàng SJC giao dịch trong nền kinh tế đã tăng hơn 2% - cao hơn mức tăng của giá vàng thế giới. Giá vàng đã tăng liên tục ở cả 02 chiều mua – bán kể từ ngày 09/5/2024, đã có lúc giá vàng đã tăng hơn 3%/ngày giao dịch, xác lập mức giá cao hơn 90 triệu đồng/lượng, kéo dài trong khoảng 10 ngày ở chiều bán ra. Tuy nhiên với các quyết tâm chính sách bình ổn thị trường vàng, giá vàng SJC giao dịch trong nền kinh tế đã giảm mạnh trong 02 ngày cuối tháng, đưa giá vàng giao dịch trong nền kinh tế về ngưỡng 87 triệu đồng/lượng ở chiều bán ra. Chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế vào thời điểm cuối tháng đã cao hơn tháng trước, ở mức hơn 15 triệu đồng/lượng.

### Diễn biến giá vàng SJC giao dịch trên thị trường



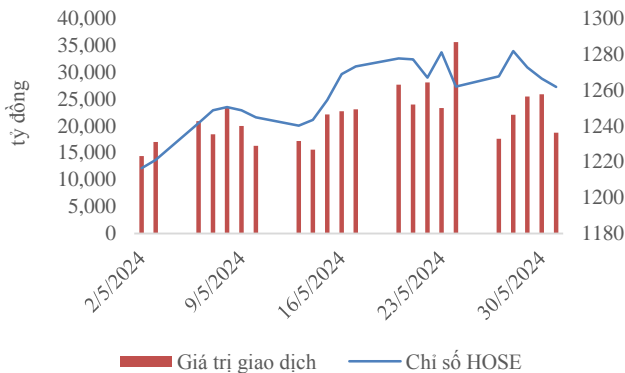
Nguồn: sjc.com.vn

**Thị trường chứng khoán Việt Nam có diễn biến khá tích cực**

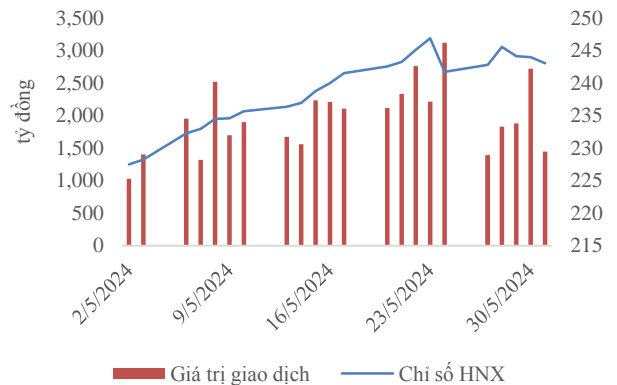
Thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục tốt. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng Năm, chỉ số VN-Index đạt 1.261,72 điểm, tăng 4,32% so với tháng trước; chỉ số HNX-Index đạt 243,09 điểm, tăng 7,1% và chỉ số UPCoM-Index đạt 95,88 điểm, tăng 8,02%. Trong tháng Năm, trên sàn HOSE các chỉ số ngành hàng đều ghi nhận tăng trưởng, trong đó nổi bật nhất là chỉ số ngành năng lượng (VNENE) tăng 13,17%, chỉ số ngành vật liệu xây dựng (VNMAT)

tăng 10,85%, chỉ số ngành hàng tiêu dùng (VNCOND) và chỉ số ngành dịch vụ tiện ích (VNUTI) đều ghi nhận tăng 10,36%.

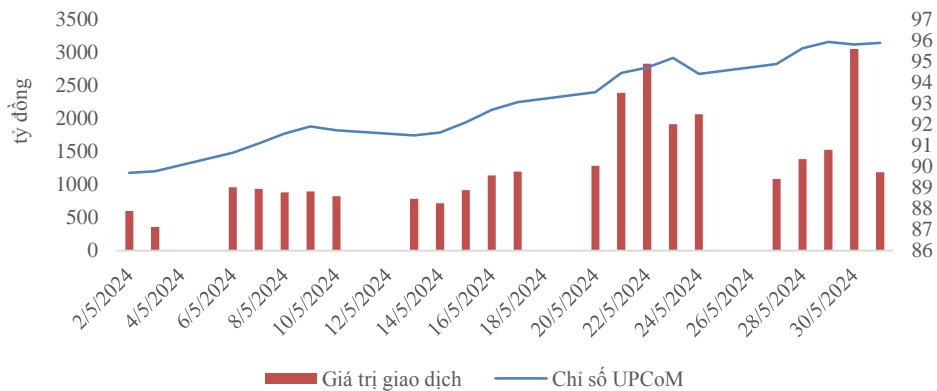
**Diễn biến chỉ số HOSE**



**Diễn biến chỉ số HNX**



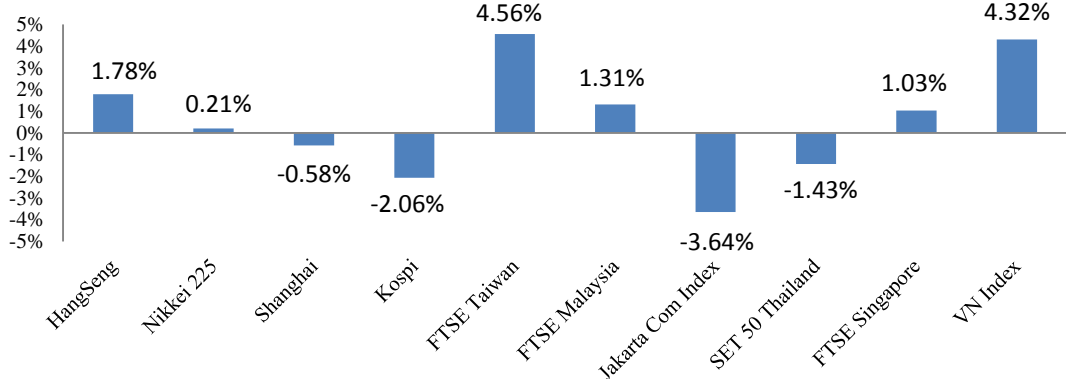
**Diễn biến chỉ số UPCoM**



Nguồn: stockbiz.vn

So với một số chỉ số chứng khoán chủ chốt trong khu vực Châu Á, thị trường chứng khoán Việt Nam thuộc nhóm tăng trưởng tích cực trong khu vực. Tính đến cuối tháng Năm, giá trị vốn hóa cổ phiếu trên sàn HOSE đạt hơn 5,14 triệu tỷ đồng, tương đương 50,29% GDP năm 2023 (theo giá hiện hành), tăng 4,41% so với tháng trước.

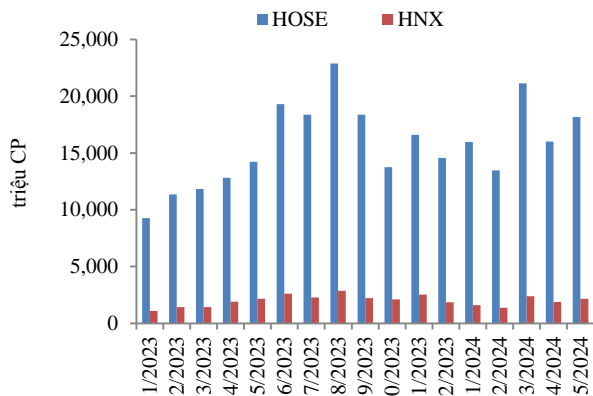
**Mức biến động của một số chỉ số chứng khoán chủ chốt tại khu vực Châu Á**



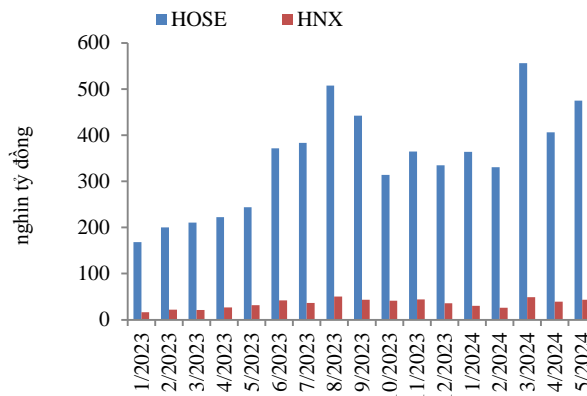
Nguồn: Bloomberg

Thanh khoản thị trường cổ phiếu tháng Năm có diễn biến tích cực cả về khối lượng và giá trị giao dịch. Tính chung trên cả hai sàn HOSE và HNX, tổng khối lượng giao dịch tăng 13,57% so với tháng trước lên 20,33 tỷ cổ phiếu và tổng giá trị giao dịch tăng 16,4% lên 43,49 nghìn tỷ đồng.

**Khối lượng giao dịch (1/2023 – 5/2024)**



**Giá trị giao dịch (1/2023 – 5/2024)**

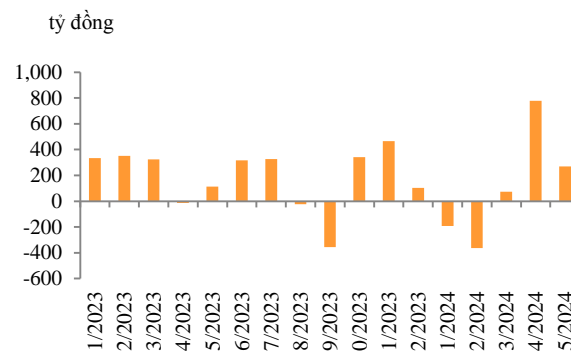


Nguồn: stockbiz.vn

**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE (1/2023 – 5/2024)**



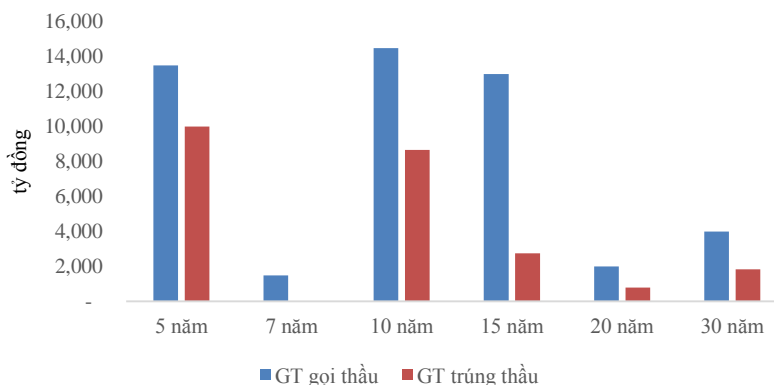
**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX (1/2023 – 5/2024)**



Nguồn: stockbiz.vn

Trong tháng Năm, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 24.056 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 48.500 tỷ đồng, đạt tỷ lệ gần 50%, cao hơn so với mức 46,4% của tháng trước.

**Giá trị trúng thầu và gọi thầu trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn**

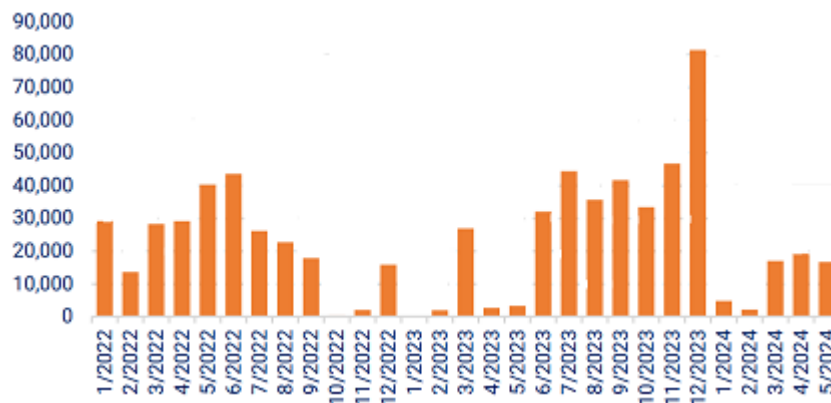


Nguồn: hnx.vn

Lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ tăng trong khoảng 0,06 – 0,19 điểm phần trăm so với tháng trước. Hiện lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm nằm trong khoảng 1,66% – 1,8%/năm, kỳ hạn 10 năm nằm trong khoảng 2,55% – 2,66%/năm, kỳ hạn 15 năm nằm trong khoảng 2,73% – 2,83%/năm, kỳ hạn 20 năm nằm trong khoảng 2,83% – 2,86%/năm và kỳ hạn 30 năm nằm trong khoảng 3,03% – 3,1%/năm.

Theo số tổng hợp từ HNX và SSC, trong tháng Năm có 19 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, trị giá 16.695 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, có 58 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 51.032 tỷ đồng và 6 đợt phát hành ra công chúng trị giá 8.878 tỷ đồng. Trong số các đợt phát hành riêng lẻ, các trái phiếu đã được xếp hạng tín nhiệm chiếm 8,5% giá trị.

**Giá trị phát hành TPDN theo tháng**



*Nguồn: Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam*